

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2023

V/v: “*Tranh chấp xác định cha cho con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tài;

2. Bà Đỗ Thị Linh Phương.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về “*Tranh chấp xác định cha cho con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 157/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn T Th, xã H Th, huyện H Đ, tỉnh Q N. *Vắng mặt.*

- Bị đơn: anh Lê Quang V, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn L Th, xã Q H, huyện Q S, tỉnh Q N. *Vắng mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn 5, xã P H, huyện P S, tỉnh Q N. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2023, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị N trình bày:

Trước đây chị lập gia đình, có đăng ký kết hôn với anh Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1984, hiện trú tại: thôn 5, xã P H, huyện P S, tỉnh Q N. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân. Năm 2018, chị có tình cảm yêu

đương với anh Lê Quang V và có thai, đến ngày 08/4/2019 chị sinh con, khai sinh tên Huỳnh Quang T, do đang trong thời kỳ hôn nhân với anh L nên chị phải khai cha là Huỳnh Ngọc L, mẹ là Nguyễn Thị N. Hiện nay chị và anh L ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 71/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H Đ, tỉnh Q N. Quá trình giải quyết vụ án ly hôn chị và anh L đều khai cháu T không phải con của anh L.

Ngày 24/02/2023, anh V và cháu T đã giám định AND, kết quả anh V và cháu T có quan hệ huyết thống cha - con với độ tin cậy >99,9999%.

Căn cứ kết quả giám định AND chị yêu cầu Tòa án xác định anh Lê Quang V, sinh ngày 12/01/1992, hộ khẩu thường trú: thôn L Th, xã Q H, huyện Q S, tỉnh Q N là cha ruột của cháu Huỳnh Quang T, sinh ngày 08/4/2019 theo Giấy khai sinh số 30 ngày 30/3/2020 do Ủy ban nhân dân xã Q H, huyện Q S, tỉnh Q N cấp (mã số định danh cá nhân: 049219008289).

Tại bản tự khai ngày 06/6/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - anh V trình bày:

Trong thời gian năm 2018 anh có tình cảm yêu đương với chị N, chị N có thai với anh, đến ngày 08/4/2019 chị N sinh con khi còn quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Huỳnh Ngọc L, nên chị N khai sinh cho cháu Huỳnh Quang T có cha là Huỳnh Ngọc L. Ngày 13/11/2019 chị N đã ly hôn với anh L. Đến ngày 06/01/2020, anh và chị N đăng ký kết hôn.

Ngày 24/02/2023, anh và cháu Huỳnh Quang T tiến hành xét nghiệm phân tích AND để xác định huyết thống cha con, kết quả xét nghiệm anh và cháu T có quan hệ huyết thống cha - con với độ tin cậy >99,9999%.

Nay chị N yêu cầu Tòa án xác định anh là cha ruột của cháu T, anh thông nhất và đề nghị giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của chị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Huỳnh Ngọc L, nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị N yêu cầu xác định anh V có nơi cư trú tại thôn L Th, xã Q H, huyện Q S, tỉnh Q N là cha của cháu Huỳnh Quang T nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp xác định cha cho con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị N và bị đơn - anh V đều có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: xét thấy, chị N sinh cháu T vào ngày 08/4/2019, trong thời gian chị và anh L đang là vợ chồng hợp pháp. Đến ngày 13/11/2019, chị và anh L mới ly hôn, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 71/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H Đ, tỉnh Q N chỉ ghi nhận chị N và anh L có 02 con chung là Huỳnh Thị Ngọc D và Huỳnh Thị M H, không có cháu Huỳnh Quang T. Căn cứ Phiếu kết quả phân tích AND ngày 24/02/2023 của Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ DNA TESTINGS thì anh V và cháu T có quan hệ huyết thống cha - con với độ tin cậy >99,9999%.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xác định anh Lê Quang V, sinh ngày 12/01/1992, hộ khẩu thường trú: thôn L Th, xã Q H, huyện Q S, tỉnh Q N (căn cước công dân số: 049092018373, cấp ngày 15/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội) là cha ruột của cháu Huỳnh Quang T, sinh ngày 08/4/2019, theo Giấy khai sinh số 30 ngày 30/3/2020 do Ủy ban nhân dân xã Q H, huyện Q S, tỉnh Q N cấp (mã số định danh cá nhân: 049219008289).

[3]. Về án phí: yêu cầu khởi kiện của chị N được chấp nhận, nên anh Lê Quang V phải chịu án phí, trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2

Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc "*Tranh chấp xác định cha cho con*".

1. Xác định anh Lê Quang V, sinh ngày 12/01/1992, hộ khẩu thường trú: thôn L Th, xã Q H, huyện Q S, tỉnh Q N (căn cước công dân số: 049092018373, cấp ngày 15/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội) là cha ruột của cháu Huỳnh Quang T, sinh ngày 08/4/2019, theo Giấy khai sinh số 30 ngày 30/3/2020 do Ủy ban nhân dân xã Q H, huyện Q S, tỉnh Q N cấp (mã số định danh cá nhân: 049219008289).

2. Về án phí: anh Lê Quang V phải chịu án phí dân sự 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012283 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thọ